

Hải Phòng, ngày 17 tháng 04 năm 2025

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THUỐC VÀ ĐIỀU TRỊ

I. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM

- Thời gian: 16 giờ 00 phút ngày 17 tháng 04 năm 2025
- Phòng giao ban tầng 5 nhà S1 Bệnh viện Y học Cổ truyền

II. THÀNH PHẦN

- | | |
|---|---------------------|
| 1. BSCKII Khổng Hữu Cương , Giám đốc | : Chủ tịch Hội đồng |
| 2. ThS.BS Đoàn Hải Nam, Phó giám đốc | : Phó chủ tịch HĐ |
| 3. BSCKI Phạm Thanh Tùng Trưởng phòng KHTH | : Ủy viên, Thư ký |
| 4. CN Đỗ Thị Kim Cúc Trưởng phòng TCKT | : Ủy viên |
| 5. DSCKI Phạm Thị Thanh Hiếu Trưởng khoa Dược | : Ủy viên |
| 6. DSDH Nguyễn Thị Hà Phương Phó Trưởng khoa Dược | : Ủy viên |
| 7. BSCK1 Đặng Thị Hương, Trưởng khoa Khám Bệnh | : Ủy viên |
| 8. BSCK1 Phạm Trung Hà, Trưởng khoa Ngoại | : Ủy viên |
| 9. BSCK1 Vũ Hữu Tuyên, Trưởng khoa Vật Lý Trị liệu - PHCN | : Ủy viên |
| 10. BSCK1 Nguyễn Thị Quỳnh Mai, Trưởng khoa Ngũ quan | : Ủy viên |
| 11. BSCK1 Đinh Tiến Minh, Trưởng khoa Nhi – Tạp Bệnh | : Ủy viên |
| 12. BSCK1 Cao Thanh Phong, Trưởng khoa Châm Cứu | : Ủy viên |
| 13. BSCK1 Nguyễn Tiến Dũng, Phó Trưởng khoa Nội | : Ủy viên |
| 14. CN Phạm Thị Huyền, Trưởng Phòng Điều Dưỡng | : Ủy viên |

III. NỘI DUNG

Xem xét, đánh giá và thực hiện lựa chọn nhà cung ứng hàng hóa mua sắm cho Nhà thuốc Bệnh Viện Y học cổ truyền năm 2025 (đợt 1).

1. Các nội dung liên quan đến kế hoạch sử dụng thuốc

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023 của Quốc hội;

Căn cứ khoản 17 Điều 4 Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quy hoạch, Luật đầu tư, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quyết định số 921/QĐ-BYT ngày 11/4/2024 của Bộ Y tế Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Y tế;

Căn cứ Thư mời chào giá số 114/YHCT-KD ngày 21/04/2025 của Bệnh Viện Y học cổ truyền về việc mời báo giá hàng hóa mua sắm cho Nhà thuốc Bệnh Viện Y học cổ truyền năm 2025 (đợt 1);

Căn cứ giá trúng thầu được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế và báo giá của các nhà thầu gửi Bệnh Viện Y học cổ truyền;

Căn cứ vào nhu cầu cung cấp đầy đủ các hàng hóa phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh Viện Y học cổ truyền.

DS Hiệu báo cáo:

Khoa Dược căn cứ vào mô hình bệnh tật và nhu cầu dự kiến sử dụng từ các khoa lâm sàng;

Khoa Dược đã tổng hợp và báo cáo Hội đồng thuốc và điều trị xem xét, đánh giá và thực hiện lựa chọn 72 khoản mục thuốc cho hoạt động của nhà thuốc bệnh viện năm 2025 (đợt 1). (Có danh mục kèm theo).

2. Ý kiến của các thành viên hội đồng thuốc và điều trị

Các thành viên Hội đồng thuốc và điều trị thống nhất lựa chọn danh mục do khoa Dược đã tổng hợp chào giá lựa chọn nhà cung ứng mua sắm hàng hóa cho Nhà thuốc Bệnh Viện Y học cổ truyền năm 2025 (đợt 1) theo nguyên tắc sau:

- Đề xuất sử dụng thuốc để đáp ứng nhu cầu điều trị của Bệnh Viện Y học cổ truyền;
- Các nhà cung ứng đã thực hiện việc cam kết theo nội dung của Thư mời chào giá.

Chủ tịch Hội đồng thuốc và điều trị giao cho Khoa Dược, Phòng Tài chính - Kế toán và các bộ phận liên quan tiếp tục hoàn thiện các bước mua sắm theo quy định.

3. Đề nghị

Hội đồng thuốc và điều trị Bệnh Viện Y học cổ truyền đề nghị Giám Đốc thông qua các nội dung đã thống nhất ở trên, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung ứng hàng hóa mua sắm cho Nhà thuốc Bệnh Viện Y học cổ truyền năm 2025 (đợt 1).

Cuộc họp kết thúc lúc 17 giờ 00 phút cùng ngày với sự nhất trí của 100% các đồng chí tham dự cuộc họp./.

THƯ KÝ



BSKKI Phạm Thanh Tùng

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



GIÁM ĐỐC

BCKII-ThS: *Khổng Hữu Cường*



PHỤ LỤC
DANH MỤC HÀNG HÓA

Stt	Mã thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ- Hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Phân nhóm kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1		Acetylleucine	500mg	Uống	Viên nén	N2	Viên	2000
2		Acetylleucine	500mg/5ml	Uống	Tiêm	N4	Ống	1000
3		Acid acetylsalicylic	81mg	Uống	Viên nén bao phim tan trong ruột	N2	Viên	2000
4		Acid tranexamic	500mg/ 5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	N4	Ống	2000
5		Acid Tranexamic	500mg	Uống	Viên nén bao phim	N4	Viên	2000
6		Alendronate + Vitamin D3	70mg/2800mg	Uống	Viên nén	N1	Viên	200
7		Alendronate + Vitamin D3	70mg/5600mg	Uống	Viên nén	N1	Viên	200
8		Alphachymotrypsin	4,2mg	Uống	Viên nén	N2	Viên	5000
9		Amlodipin	5mg	Uống	Viên nang cứng	N2	Viên	5000
10		Amoxicillin+Acid clavulanic	625mg	Uống	Viên nén bao phim	N2	Viên	2000
11		Atorvastatin	10mg	Uống	Viên nén	N4	Viên	2000
12		Atorvastatin	20mg	Uống	Viên nén	N4	Viên	2000
13		Attapulgate mormoiron, Gel nhôm hydroxyd và	2500mg+500 mg; 3.3g	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	N4	Gói	100

		magnesi carbonat sấy khô.						
14		Bacillus clausii	2 tỷ bào tử/g	Uống	Thuốc bột	N4	Gói	1000
15		Berberin	10mg	Uống	Viên nang cứng	N4	Viên	1000
16		Calci clorid	5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	N4	Ống	1000
17		Calcium glubionate +Calcium lactobion ate	10mg	Uống	Dung dịch uống	N4	Ống	5000
18		Cefalexin	500mg	Uống	Viên nang cứng	N4	viên	5000
19		Celecoxib	200mg	Uống	Viên nang cứng	N2	Viên	5000
20		Ciprofloxacin	500mg	Uống	Viên nén bao phim	N4	Viên	2000
21		Citicoline	1000mg/ 4ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	N2	Ống	500
22		Clorpromazin hydroclorid	25mg	Uống	Viên nén bao phim	N2	Viên	5000
23		Cytidine-5 disodium monophosphate 5mg, Uridine-5 Trisodium triphosphate 3mg	5mg; 3mg (tương đương Uridin 1,33mg)	Uống	Viên nang cứng	N1	Viên	2000
24		Diosmectite	3g	Uống	Bột pha hỗn dịch uống	N1	Gói	200

25		Drotaverine Hydrochloride	40mg	Uống	Viên nén	N4	Viên	1000
26		Eperison hydroclorid	50mg	Uống	Viên nén bao đường	N1	Viên	2000
27		Gabapentin	300mg	Uống	Viên nang cứng	N2	Viên	2000
28		Ginkgo biloba	40mg	Uống	Viên nén bao phim	N1	Viên	2000
29		Glucosamine	500mg	Uống	Viên nén bao phim	N2	Viên	2000
30		Glucosamine	1500mg	Uống	Thuốc bột	N1	Gói	3000
31		Iod	10;500ml	Dùng ngoài	Thuốc dùng ngoài	N4	Chai 500ml	100
32		Lactulose	15ml	Uống	Dung dịch uống	N4	Ống	100
33		Lansoprazol	30mg	Uống	Viên nang bao tan trong ruột	N1	Viên	1000
34		Lidocain hydrochloride+Epinephire	(36mg+18,13 mcg)/1,8ml	Tiêm	Tiêm	N1	Ống	100
35		Macrogol 4000	10g	Uống	Bột pha dung dịch uống	N1	Gói	2000
36		Magnesi B6	470mg; 5mg	Uống	Viên nén bao phim	N4	Viên	2000

37		Mecobalamin	500mcg	Uống	viên nén bao đường	N4	Viên	5000
38		Meloxicam	15mg/1,5ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	N2	Ống	1000
39		Meloxicam	7,5mg	Uống	Viên nén	N4	Viên	30000
40		Methylprednisolon	40mg	Tiêm	Tiêm/tru yền	N4	Ống	1000
41		Methylprednisolon	16mg	Uống	viên nén	N2	Viên	3000
42		Metoclopramid	10mg	Uống	Viên nén	N4	Viên	500
43		Metoprolol succinate	25mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	N1	Viên	2000
44		Metoprolol succinate	50mg	Uống	Viên nén phóng thích kéo dài	N1	Viên	2000
45		Metronidazol	500mg/ 10ml	Tiêm	Tiêm truyền	N4	Chai	100
46		NaCl	500ml	Uống	Dung dịch dùng ngoài	N4	Chai	200
47		Natri clorid, Natri citrát dihydrat, Kali clorid, Glucose khan	520mg; 580mg; 300mg; 2,7g	Uống	Thuốc bột pha dung dịch uống	N4	Gói	300
48		Nicorandil	5mg	Uống	Viên nén	N4	Viên	3000
49		Omeprazol	40mg	Uống	Viên nang cứng chứa vi	N4	Viên	1000

					hạt bao tan trong ruột			
50		Paracetamol	500mg	Uống	Viên nén	N1	Viên	1000
51		Peptide (Cerebrolysin Concentrate)	10ml	Tiêm	Dung dịch tiêm và truyền	N1	Ống	3000
52		Perindopril	4mg	Uống	Viên nang cứng	N4	Viên	2000
53		Perindopril, indapamide, amlodipin	5mg/1,25mg/5 mg	Uống	Viên nén bao phim	N1	Viên	1000
54		Perindopril, indapamide, amlodipin	5mg/1,25mg/1 0mg	Uống	Viên nén bao phim	N1	Viên	1000
55		Perindopril+amlodi pin	5mg/5mg	Uống	Viên nén	N2	Viên	1000
56		Pethidine hydrochloride	100mg/2ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	N1	Lọ	50
57		Piracetam	800mg	Uống	Viên nang cứng	N4	Viên	5000
58		Piroxicam	20mg/1ml	Tiêm	Tiêm truyền	N4	Chai/L ọ/Ống/ Túi	5000
59		Pregabalin	75mg	Uống	Viên nang cứng	N4	Viên	3000
60		Rosuvastatin	10mg	Uống	Viên nén bao phim	N4	Viên	3000
61		Rosuvastatin	20mg	Uống	Viên nén bao phim	N4	Viên	5000

62		Rotundin	60mg	Uống	Viên nén	N4	Viên	1000
63		Sắt, Acid folic	50mg + 0,35mg	Uống	Viên nén bao phim	N4	Viên	1000
64		Vitamin B1 B6 B12	100mg+100mg+150mcg	Uống	Viên nén bao phim	N4	Viên	1000
65		Vitamin B12	1ml	Tiêm	Dung dịch tiêm	N4	Ống	500
66		Zopiclon	7,5mg	Uống	Viên nén bao phim	N2	Viên	2000
67		Bạch truật; Bạch linh; Hoàng kỳ; Toan táo nhân; Đảng sâm; Mộc hương; Cam thảo; Đương quy; Viễn chí; Long nhãn; Đại táo.	0,34g; 0,34g; 0,34g; 0,34g; 0,34g; 0,17g; 0,17g; 0,09g; 0,04g; 0,04g; 0,34g; 0,09g	Uống	Viên hoàn cứng	N3	Gói	500
68		Đan sâm, Tam thất, Borneol/Băng phiến	2,18mg; 0,95mg; 1mg	Uống	Viên hoàn giọt	N4	Viên	7000
69		Lá khô; Ô tặc cốt; Khổ sâm; Dạ cẩm; Cỏ hàn the	160 mg; 120 mg; 0,12 g; 0,12 g; 0,12 g	Uống	Viên nang cứng	N3	Viên	700
70		Sinh địa, Đảng sâm, Đan sâm, Huyền sâm, Bạch linh, Ngũ vị tử, Viễn chí, Cát cánh, Đương quy, Thiên môn, Mạch môn, Toan táo nhân, Bá tử nhân	Gói 5g chứa: 0,96g; 0,12g; 0,12g; 0,12g; 0,12g; 0,24g; 0,12g; 0,12g; 0,48g; 0,48g; 0,48g; 0,48g; 0,48g.	Uống	Hoàn cứng	N3	Gói	2000
71		Thục địa; Hoài sơn; Sơn thù; Mẫu đơn bì; Bạch linh; Trạch tả.	1,344g; 0,672g; 0,672g; 0,504g;	Uống	Viên hoàn mềm	N3	Viên	600

			0,504g; 0,504g.					
72		Xuyên khung, Tần giao, Bạch chỉ, Đương quy, Mạch môn, Hồng sâm, Ngô thù du, Ngũ vị tử, Băng phiến/Borneol	Cao khô được liệu (tương đương: Nhân sâm 800mg; Đương quy 800mg; Tần giao 800mg; Mạch môn 533,3mg; Xuyên khung 800mg; Ngũ vị tử 800mg; Bạch chỉ 800mg; Ngô thù du 533,3mg) 500mg; Băng phiến 26,6mg	Uống	viên nén bao phim	N3	Viên	3000

Tổng: 72 khoản

